

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **456/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **24/08/2020**

*V/v: Xin ly hôn giữa chị Trần Hoài T và
anh Nguyễn Văn T1*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh và bà Đặng Thị Nhác

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Lệ Quyên- Cán bộ Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 329/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:58/2020/QĐXX ngày 06/08/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐ- HPT ngày 14/08/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Hoài T**, sinh năm: 1993

HKTT: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Lô X, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Kinh doanh

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1992

HKTT và trú tại: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Công an

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Trần Hoài T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và Nguyễn Văn T1 được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại UBND phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là anh T1 có quan hệ ngoại tình, nhiều lần anh T1 đánh đập tôi. Mặt khác anh T1 còn chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều gây áp lực cho gia đình tôi, nhiều lần tôi đã phải đi trả nợ cho anh T1. Anh T1 đã nhiều lần viết bản kiểm điểm, hứa hẹn nhưng anh T1 vẫn đi chơi thâu đêm suốt sáng, không về nhà, bỏ bê vợ con và gia đình. Mâu thuẫn giữa tôi và anh T1 hàng xóm xung quanh, tổ dân phố đều biết, bản thân tôi cũng đã phải chịu đựng suốt 6 năm qua. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân, tôi về nhà bố mẹ đẻ tôi ở. Tuy nhiên, anh T1 vẫn liên tục đe dọa, phá nhà cửa nơi tôi ở, dọa giết, làm âm ỉ nơi tôi làm việc. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh T1 và đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho tôi được ly hôn anh T1 để tôi ổn định tâm lý, ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tôi và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/02/2013 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/12/2014.

Hiện 2 cháu đang ở cùng anh T1 địa chỉ: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh T1 đóng góp phí tổn nuôi con

Hiện tôi là chủ doanh nghiệp Công ty cổ phần H (Địa chỉ: Lô X, phường H, quận H, thành phố Hà Nội). Mức thu nhập bình quân hàng tháng là: 100.000.000 đồng.

- Về nhà ở chung, tài sản chung, công nợ: Tôi và anh T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:** Về thời gian điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Nguyên nhân do tính chất công việc của hai vợ chồng, tôi là công an, còn chị T kinh

doanh tự do nên cả hai thường xuyên về muộn, nên ít có thời gian chăm sóc, quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Tôi thừa nhận bản thân hay đi chơi đêm về muộn. Khoảng thời gian năm 2015 tôi có hay đi chơi uống nước với bạn khác giới nhưng không phải là quan hệ ngoại tình. Tôi cũng có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần những tôi cũng đã trả được hết nợ và nay tôi không chơi nữa. Khoảng ngày 9/5/2020 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại: Lô X, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Tôi không biết lý do tại sao chị T lại bỏ đi. Từ khi chị T bỏ đi thì chúng tôi đã sống ly thân cho đến nay. Sau khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì tôi cũng nhiều lần sang nói chuyện và bảo chị T về nhưng chị T không về và trốn tránh không gặp. Những lần sang nhà hoặc nơi làm việc của chị T, tôi chỉ mục đích gặp chị T nói chuyện chứ tôi không đập phá gây rối hoặc đe dọa chị T. Tôi nhận thấy việc chị T bỏ đi và vợ chồng có mâu thuẫn cũng do lỗi của tôi. Tuy nhiên từ khi chị T bỏ đi tôi cũng đã thay đổi, tôi không còn đi chơi về muộn và hết giờ làm việc là về nhà và chăm sóc con.

Nay, trước yêu cầu xin ly hôn của chị T, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi vẫn còn tình cảm với chị T và tôi nhận thấy vợ chồng vẫn có thể tiếp tục quay lại chung sống với nhau và vì con còn nhỏ.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/02/2013 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/12/2014.

Hiện 2 cháu đang ở cùng tôi tại địa chỉ: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Nếu trong trường hợp ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung. Lý do tôi xin nuôi con vì tôi muốn được sống cùng 2 con và tôi nhận thấy tôi có đầy đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con cho tôi.

Hiện nay tôi đang là Cảnh sát giao thông – Đội cảnh giao thông số 1 – Phòng cảnh sát giao thông Hà Nội. Mức thu nhập bình quân hàng tháng là 11.000.000 đồng

- **Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ:** Tôi và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu của mình, xin được ly hôn anh T1, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T1 đóng góp phí tổn nuôi con

- Anh T1 đồng ý ly hôn với chị T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ, chưa đưa ra các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống năm 2014, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính chất công việc của hai bên nên ít có thời gian chăm sóc con cái cũng như chăm sóc lẫn nhau, chị T nghi ngờ anh T1 có quan hệ nam nữ ngoài vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Mặt khác anh T1 chơi bời cờ bạc dẫn nợ nần, nhiều lần chị T và gia đình đã phải trả nợ cho anh T1. Từ đó trở đi vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh T1 không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn anh T1.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Hoài T và anh Nguyễn Văn T1

- Về con chung: Xác nhận chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/02/2013 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/12/2014.

Khi ly hôn hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bên kia đóng góp phí tổn nuôi con chung. Đề nghị HĐXX giao cháu T2 để chị T nuôi dưỡng và giao cháu N để anh T1 nuôi dưỡng

- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Hoài T có hộ khẩu thường trú tại: HKTT: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội và hiện đang trú tại: Lô X, phường H, quận H, thành phố Hà Nội xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ X phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/07/2020 Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng, về điều kiện, khả năng nuôi con đối với chị T và anh T1. Chị T đã nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ nhưng anh T1 không cung cấp.

Ngày 06/08/2020, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 ngày 14/08/2020. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt hợp lệ cho chị Trần Hoài T và anh Nguyễn Văn T1. Tại phiên tòa ngày 14/08/2020, chị T có mặt nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vào hồi 10 giờ 00 ngày 24/08/2020. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho chị Trần Hoài T và anh Nguyễn Văn T1. Tại phiên tòa ngày 24/08/2020, chị T và anh T1 đều có mặt

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Hoài T và anh Nguyễn Văn T1 được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại UBND phường P, quận L, TP. Hà Nội. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính chất công việc của hai bên nên ít có thời gian chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Mặt khác chị T nghi ngờ anh T1 có quan hệ nam nữ ngoài vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Ngoài ra anh T1 chơi bời cờ bạc dẫn nợ nần, nhiều lần chị T và gia đình đã phải trả nợ cho anh T1. Từ đó trở đi vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải tạo điều kiện để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do chỉ duy nhất 01 lần anh T1 tham gia phiên hòa giải ngày 11/07/2020, điều đó cho thấy anh T1 không có quyết tâm đoàn tụ với chị T. Mặt khác anh T1 cũng không đưa ra được các cách thức, biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Vợ chồng vẫn sống lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ

chồng giữa chị T và anh T1 là rất trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh T1 không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được ly hôn do đó căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1

*** Về con chung:** Hai bên xác nhận có là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/02/2013 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/12/2014.

Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Khi ly hôn cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng của hai bên thể hiện tình cảm của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên khi giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần, ổn định nơi ở và học tập đảm bảo cho con trẻ phát triển bình thường. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 đều có công việc, có thu nhập, có chỗ ở ổn định nên có đầy đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy nên để mỗi người nuôi một cháu là tốt nhất. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu T2 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và giao anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

*** Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Hai bên xác nhận không có và không đề nghị Toà án xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

*** Về án phí:** Chị Trần Hoài T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Hoài T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Trần Hoài T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 26/12/2014, giao anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/02/2013, thời gian kể từ tháng 8/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào phải đóng góp phí tổn cho bên kia.

Chị T và anh T1 có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015938 ngày 01/07/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Phúc Lợi
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu